


# UniBitum SB

**BITUM LỎNG GỐC DẦU (DUNG MÔI)**
**LỚP LÓT CHỐNG THẤM & CHỐNG ĂN MÒN**

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

UniBitum SB là vật liệu sử dụng cho thi công chống ăn mòn kim loại, là lớp lót chống thấm và chống ẩm. UniBitum SB là loại bitum lỏng có độ nhớt thích hợp cho việc thi công trên bề mặt bê tông, vữa xi măng, kết cấu thép, kim loại... Được sản xuất bằng cách pha trộn bitumen với dung môi bay hơi nhanh. Vì vậy, UniBitum SB được sử dụng như một lớp lót bên dưới nhằm tạo độ bám dính liên kết giữa màng chống thấm và bề mặt nền vật liệu.

## ĐIỂM NỔI BẬT

- **48 ± 2 %** — Không bay hơi (105°C, 3hr)
- **25 ~ 125 SFS** — Độ nhớt ở 25°C
- **20 lít** — Thể tích thực mỗi thùng

## HẠNG MỤC ỨNG DỤNG

- Lót màng chống thấm
- Chống ẩm
- Kết cấu ống ngầm
- Công trình ngầm
- Chống ăn mòn kim loại
- Bảo quản gỗ

## SỬ DỤNG

- Làm lớp lót trong quá trình thi công lớp màng chống thấm và chống ẩm
- Làm lớp phủ bảo vệ chống ăn mòn kim loại cho các hệ thống kết cấu ống ngầm, công trình ngầm
- Bảo quản gỗ chống bị sâu mọt

## CÁCH SỬ DỤNG

- Lau khô phần cần xử lý
- Loại bỏ hoàn toàn tạp chất như bụi bẩn, đất cát, vết dầu loang, rỉ sét... ở khu vực cần xử lý
- Sau khi xử lý xong bề mặt, quét một lớp lót bằng cách sử dụng con lăn hoặc phun
- Lớp lót sau khi quét phải đợi cho khô hoàn toàn thì mới thực hiện bước tiếp theo; quét lại lớp sơn lót nếu sau lớp lót đầu tiên vẫn còn bụi bẩn hoặc cát trên bề mặt

## ĐỊNH LƯỢNG THEO BỀ MẶT (ℓ/m²)

| Bê tông | Vữa cứng | Vữa tự phẳng | Kim loại | Gỗ |
|---|---|---|---|---|
| 0,4 ~ 0,6 | 0,4 ~ 0,4 | 0,1 ~ 0,3 | 0,1 ~ 0,2 | **0,3 ~ 0,4** |

## ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

| Mục thí nghiệm | Phương pháp | Quy cách |
|---|---|---|
| Độ nhớt (25°C, SFS) | KS M 2270 | **25 ~ 125** |
| Chưng cất (khối lượng lớp lót, %): lên đến 225°C | | **≥ 35** |
| Chưng cất (khối lượng lớp lót, %): lên đến 360°C | | **≤ 65** |
| Dư lượng chưng cất: thâm nhập 1/10mm (25°C, 100g, 5 giây) | | **20 ~ 50** |
| Dư lượng chưng cất: độ hoà tan trong trichloroethane (%) | | **≥ 99** |
| Thử nghiệm qua sàng lọc (250μm, %) | | **≤ 0,02** |
| Tỷ lệ nước (Volume %) | - | **≤ 0,5** |
| Không bay hơi (105°C, 3hr, wt%) | KS M ISO 3251 | **48 ± 2** |

## THÔNG SỐ NHANH

| | |
|---|---|
| ĐÓNG GÓI | Thùng (thể tích thực: 20 lít) |
| TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN | ASTM D 41 |
| NỀN PHÙ HỢP | Bê tông, vữa xi măng, vữa tự phẳng, kết cấu thép, kim loại, gỗ |

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN

- **Dễ cháy:** tránh xa nguồn lửa khi lưu trữ hay thao tác.
- **Thông gió:** làm việc ở nơi thoáng khí vì khí gas có thể thoát ra trong quá trình thi công.
- **Bảo quản:** đậy kín nắp vì sản phẩm sẽ bốc hơi nếu tiếp xúc với không khí trong một thời gian dài.
- **Vệ sinh:** khi công việc hoàn thành, rửa công cụ bằng dung môi và lưu giữ sạch sẽ.
- **Tra cứu:** Phiếu Dữ liệu An toàn Hoá chất (SDS) mới nhất tại website chính thức Uniwa hoặc liên hệ bộ phận kỹ thuật.

## KHUYẾN CÁO & MIỄN TRỪ

- Thông số trong tài liệu được xác lập từ thử nghiệm phòng thí nghiệm ở điều kiện tiêu chuẩn; giá trị thực tế thay đổi theo nhiệt độ, độ ẩm, vật liệu đi kèm, phương pháp và tay nghề thi công. Người sử dụng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp với mục đích sử dụng thực tế.
- Uniwa không chịu trách nhiệm với tổn thất do sử dụng sai mục đích, thi công sai hướng dẫn hoặc kết hợp vật liệu không tương thích chưa được xác nhận bằng văn bản; bảo lưu quyền cập nhật thông tin kỹ thuật không cần báo trước. Kiểm tra phiên bản TDS mới nhất trên website trước mỗi dự án.



PHÁT TRIỂN & PHÂN PHỐI BỞI
**CÔNG TY TNHH UNIWA VIỆT NAM**
130/34 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh
sales@uniwa.vn · uniwa.vn

SẢN XUẤT BỞI
INSUTECH
Plot 77, South 90th str., 5th Settlement, New Cairo, Egypt
info@insutech-eg.com
Sản xuất theo đơn đặt hàng của Uniwa (OEM)

HOTLINE
**0935 076 866**

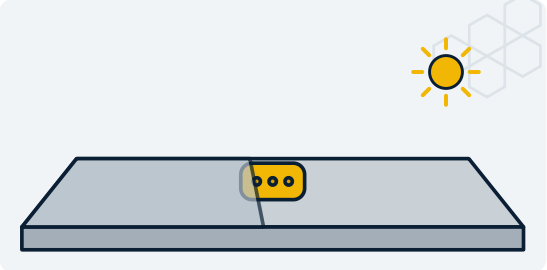
*Phiên bản 2026.11 · TDS UNW-BSB*

# UniBitum SB

BITUM LỎNG GỐC DẦU (DUNG MÔI)

## CÁC BƯỚC THI CÔNG

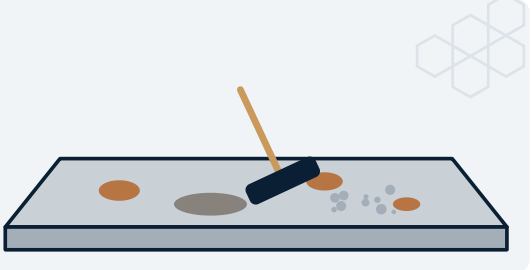
1



### Lau khô bề mặt

Lau khô phần cần xử lý.

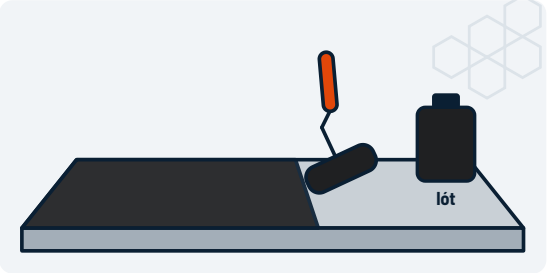
2



### Loại bỏ tạp chất

Loại bỏ hoàn toàn tạp chất như bụi bẩn, đất cát, vết dầu loang, rỉ sét... ở khu vực cần xử lý.

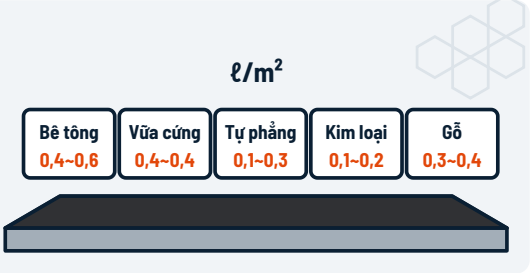
3




### Quét lớp lót

Sau khi xử lý xong bề mặt, quét một lớp lót bằng con lăn hoặc phun.

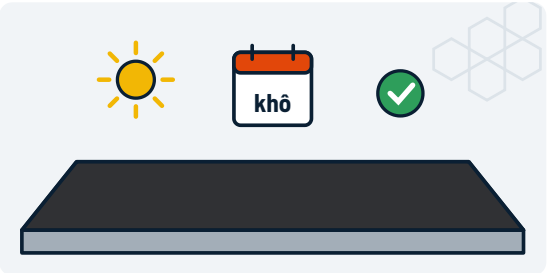
4




### Định lượng theo bề mặt

Lượng dùng thay đổi theo loại bề mặt (ℓ/m²): bê tông 0,4~0,6 · vữa cứng 0,4~0,4 · vữa tự phẳng 0,1~0,3 · kim loại 0,1~0,2 · gỗ 0,3~0,4.

5




### Chờ khô hoàn toàn

Lớp lót phải khô hoàn toàn mới thực hiện bước tiếp theo; quét lại nếu sau lớp đầu vẫn còn bụi bẩn hoặc cát trên bề mặt.

6




### Vệ sinh dụng cụ

Khi công việc hoàn thành, rửa công cụ bằng dung môi và lưu giữ sạch sẽ.

## LƯU Ý VÀNG

- **Sản phẩm dễ cháy: tránh xa nguồn lửa khi lưu trữ hay thao tác.**
- **Làm việc ở nơi thoáng khí vì khí gas có thể thoát ra trong quá trình thi công.**
- **Đậy kín nắp: sản phẩm bốc hơi nếu tiếp xúc với không khí trong thời gian dài.**

*Định mức, tỉ lệ trộn, thời gian chờ và thông số kỹ thuật: xem mặt trước (Tài liệu kỹ thuật sản phẩm). Luôn thi công thử trên diện tích nhỏ trước khi thi công diện rộng.*



PHÁT TRIỂN & PHÂN PHỐI BỞI
**CÔNG TY TNHH UNIWA VIỆT NAM**
130/34 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh
sales@uniwa.vn · uniwa.vn

SẢN XUẤT BỞI
INSUTECH
Plot 77, South 90th str., 5th Settlement, New Cairo, Egypt
info@insutech-eg.com
Sản xuất theo đơn đặt hàng của Uniwa (OEM)

HOTLINE
**0935 076 866**

*Phiên bản 2026.11 · QTTC UNW-BSB*